TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2023.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Quí.

2. Ông Tô Hải Đăng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2023, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T – sinh năm 1987, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Thị Bé Ng - sinh năm 1989, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H1, xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2023, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T như sau:

Ông kết hôn với bà Thị Bé Ng vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 07/12/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống hạnh phúc khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do vợ chồng cự cãi rồi vợ ông bỏ nhà đi cho đến nay, ông không liên lạc được, hiện vợ chồng ông đã ly thân hơn 03 tháng. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, ông xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn hàn gắn được nên ông yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Thị Bé Ng.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng ông có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo Ng1 - sinh ngày 15/10/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 31/5/2012.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Thị Bé Ng.

Về con chung: Ông xin nuôi 02 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo Ng1 - sinh ngày 15/10/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 31/5/2012. Ông không yêu cầu bà Thị Bé Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thị Bé Ng trình bày tại bản tự khai ngày 07/7/2023 như sau:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Minh T vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Gò Quao vào ngày 07/12/2007.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng bà mâu thuẫn về tiền bạc, bên cạnh đó ông T có tính hay ghen và đánh chửi bà nhiều lần. Vợ chồng đã ly thân được hơn 01 năm. Nay vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm yêu thương gì đối với ông Nguyễn Minh T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung Nguyễn Thị Bảo Ng1 - sinh ngày 15/10/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 31/5/2012. Hiện bà đang chịu trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng bà không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bảo Ng1- sinh ngày 15/10/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 31/5/2012, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông T và bà Ng không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng kết hôn vào năm 2007, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 137, ngày 07/12/2007, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng là hôn nhân tự nguyện và vợ chồng ông có thời gian chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn đã không tự giải quyết gắn được. Ông Nguyễn Minh T cho rằng do vợ chồng cãi vả và bà Ng bỏ nhà cho đến nay nhưng ông không liên lạc được, nên vợ chồng ông sống ly thân hơn 03 tháng. Ngày 07/7/2023 và ngày 27/7/2023, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Thị Bé Ng có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bà Thị Bé Ng có bản tự khai ghi ngày 07/7/2023 đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Minh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo Ng1 - sinh ngày 15/10/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 31/5/2012.

Ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng đều có yêu cầu xin nuôi con chung. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định "nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con", Mặt khác, hai cháu Bảo Ngọc và Ngọc Trân đều có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của bà Thị Bé Ng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị Bé Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Nguyễn Minh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000594, ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 55 và 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh T và bà Thị Bé Ng.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Bảo Ng1 - sinh ngày 15/10/2009 và Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 31/5/2012 cho bà Thị Bé Ng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000594, ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang